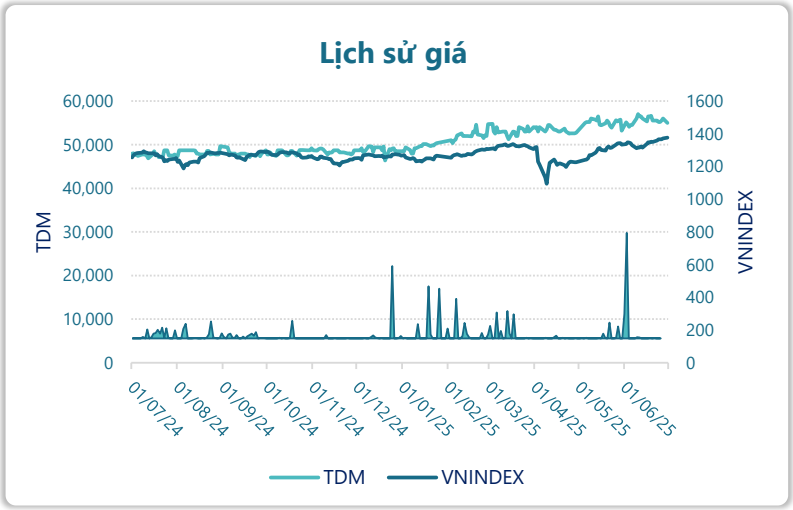
FireAnt

CTCP Nước Thủ Dầu Một (HSX: TDM)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**55,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	57,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	46,366
SL cổ phiếu LH	110,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	119,630
% sở hữu nước ngoài	2.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	6,050
P/E	19.4
EPS	2,830

DT thuần

Q2/25

99.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.10| -0.1%

YoY: ▼87.1| -46.6%

LN sau thuế

Q2/25

52.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼91.4| -63.5%

YoY: ▲ 0.70| 1.4%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

62.5%

+/- YoY: ▲ 30.6%

DT thuần

6T 2025

200

tỷ VNĐ

YoY: ▼93.0| -31.9%

LN sau thuế

6T 2025

196

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 107| 120%

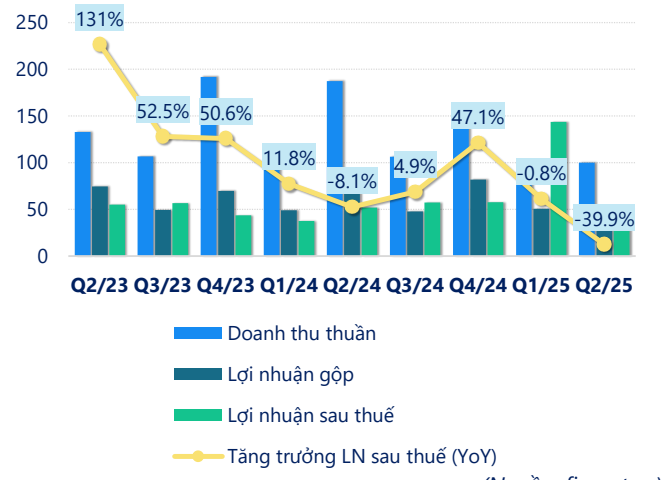
ROE

Q2/25

12.6%

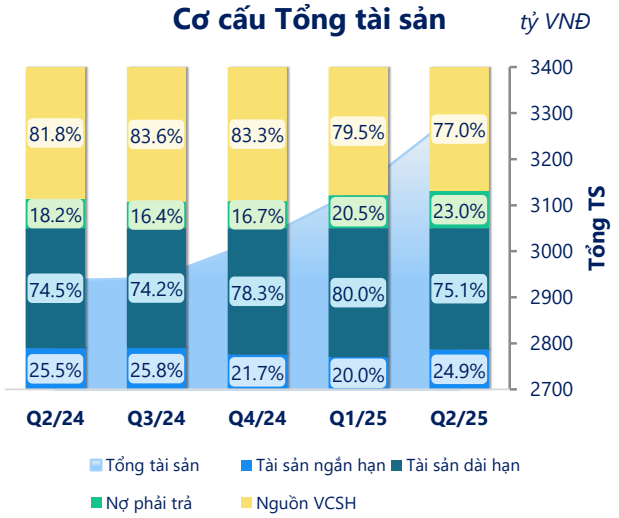
+/- YoY: ▲ 4.1%

Kết quả kinh doanh



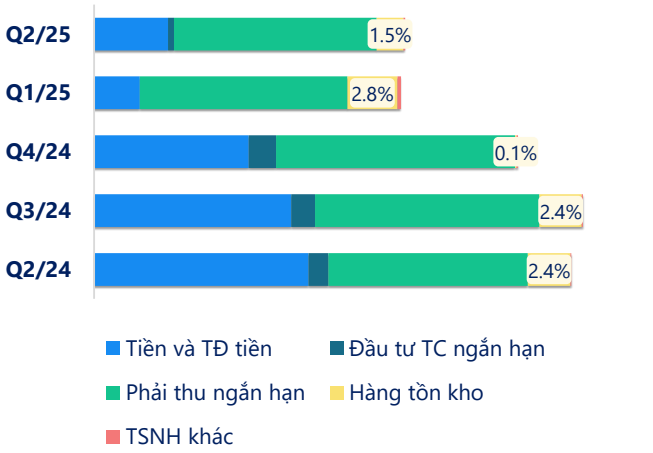
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



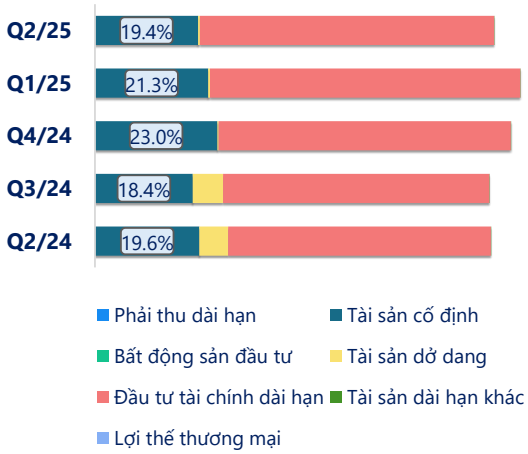
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



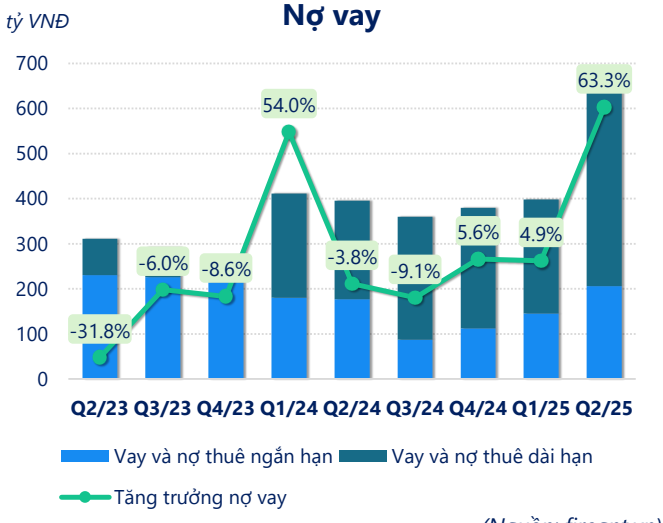
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



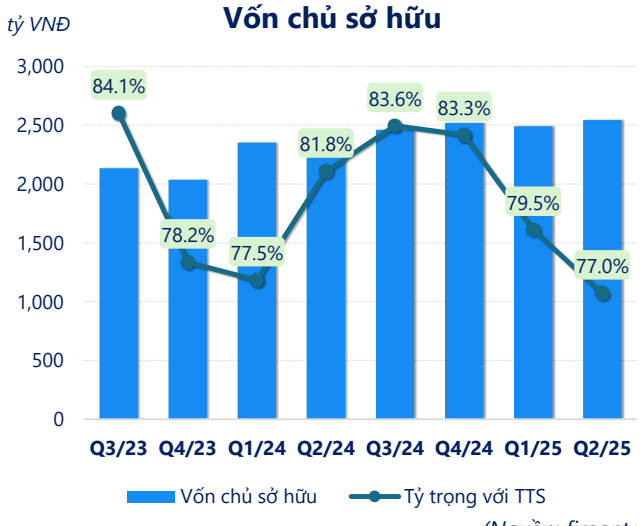
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



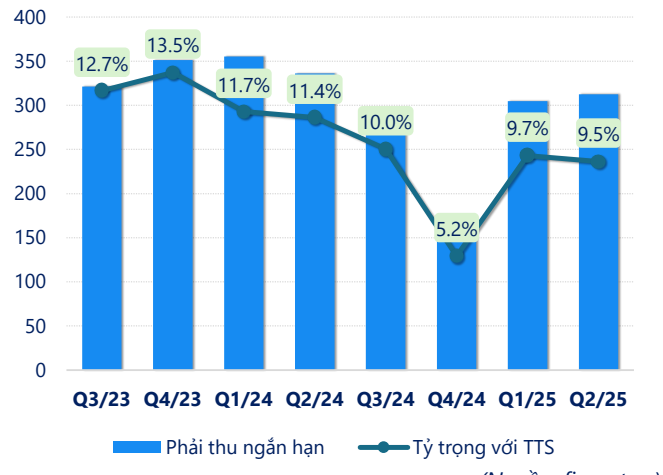
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



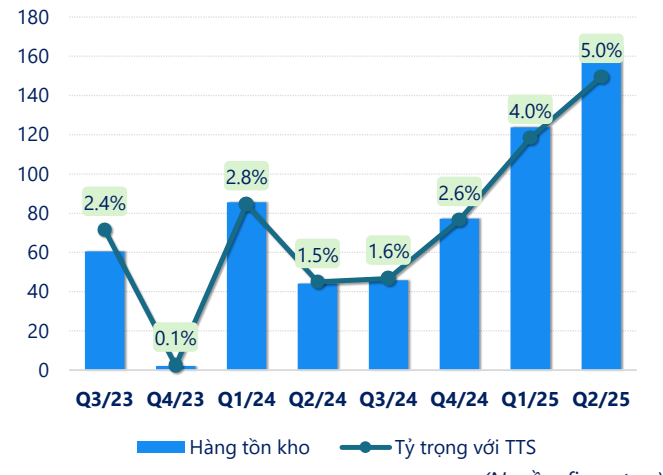
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



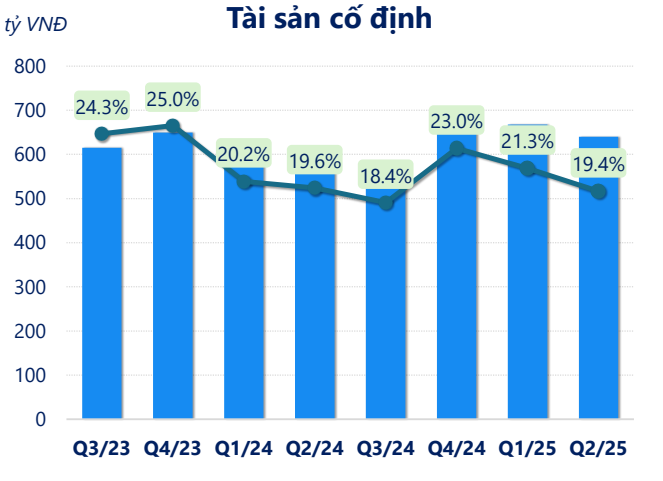
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



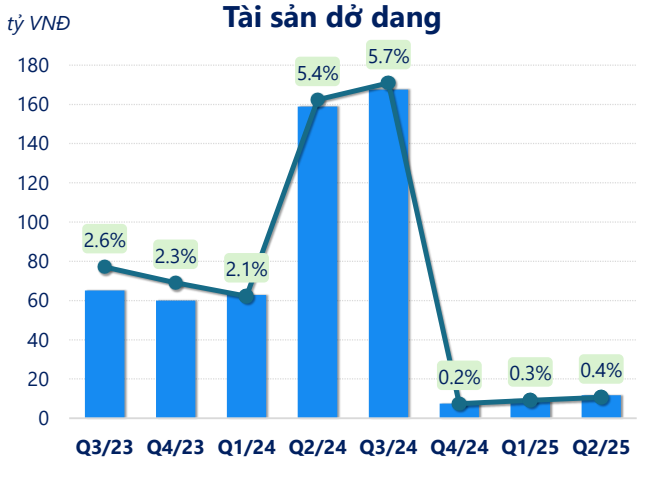
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



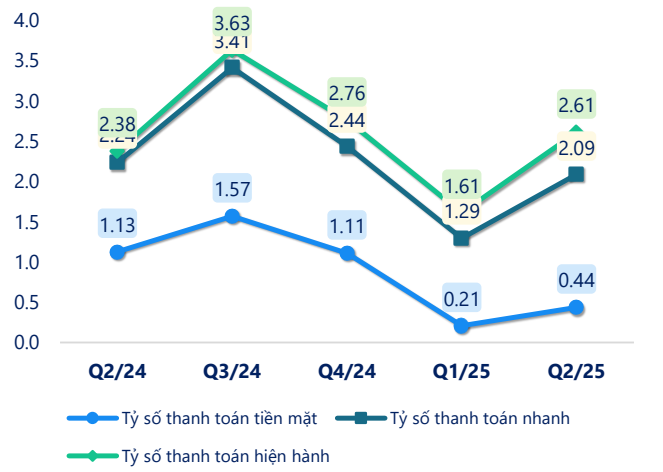
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



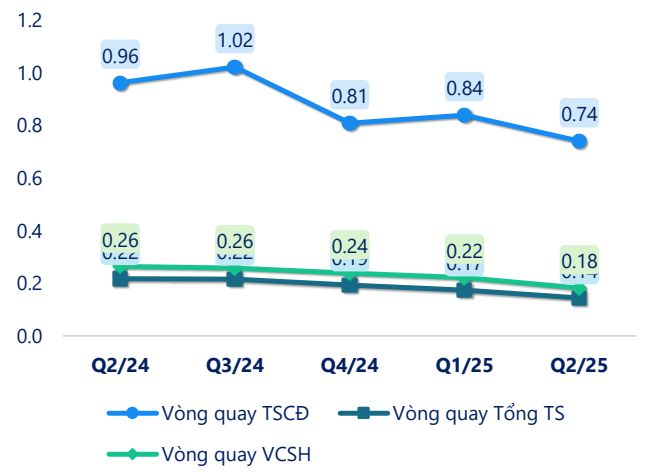
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**2,937**	**2,942**	**3,024**	**3,133**	**3,304**
Tài sản ngắn hạn	**749**	**758**	**657**	**626**	**823**
Tiền và tương đương tiền	355	327	264	80.8	138
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.0	90.0	157	113	204
Phải thu ngắn hạn	336	295	156	305	312
Hàng tồn kho	44.1	45.8	77.3	124	165
Tài sản ngắn hạn khác	3.07	0.58	2.93	4.50	4.76
Tài sản dài hạn	**2,188**	**2,183**	**2,366**	**2,507**	**2,481**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	577	542	696	668	640
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	159	168	7.48	9.53	11.7
Đầu tư tài chính dài hạn	1,451	1,474	1,662	1,829	1,829
Tài sản dài hạn khác	0.81	0.65	0.48	0.33	0.61
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**533**	**481**	**505**	**641**	**760**
Nợ ngắn hạn	**315**	**209**	**238**	**388**	**315**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	177	87.4	112	145	206
Phải trả người bán ngắn hạn	19.3	6.00	6.57	8.80	6.08
Nợ dài hạn	219	272	267	253	445
Vay và nợ thuê dài hạn	219	272	267	253	445
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,403**	**2,461**	**2,518**	**2,492**	**2,544**
Vốn chủ sở hữu	**2,403**	**2,461**	**2,518**	**2,492**	**2,544**
Vốn điều lệ	1,100	1,100	1,100	1,100	1,100
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)